

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 24.1.2023**

---

**Năng Lượng Duy Trì Sự Sống**  
**Kinh Dưỡng Tố (Āhārasuttam)**

**Tập II – Thiên Nhân Duyên**

**Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (a) - Phẩm Chất Liệu Nuôi Dưỡng (S. ii, 11)**

*Sự sống hay sự hiện hữu của chúng sanh bao gồm cả hai hiện tượng vật chất và tâm thức. Hiểu biết về sự hiện hữu không phải chỉ có sự nhận biết trạng thái của sự vật mà còn phải hiểu chất liệu nuôi dưỡng sự tồn tại thí dụ như sự sống của cây cần ánh sáng mặt trời, phân đất, nước ... Tứ thực là đề tài lớn và quan trọng trong Phật học. Hiểu được đề tài này mới thấy rõ tất cả hiện tượng vật chất hay tâm thức đều do duyên mà sanh, hết duyên mà diệt. Và từ đó thấy rõ bản chất vô thường, bất toàn, vô ngã.*



**Kinh Văn**

**Evam me sutam – ekam samayaṃ bhagavā sāvatthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme...pe... etadavoca – “cattārome, bhikkhave, āhārā bhūtānaṃ vā sattānaṃ ṭhitiyā sambhavesīnaṃ vā anuggahāya. Katame cattāro? Kabaḷikāro [kabaḷimkāro (sī. pī.), kavaḷikāro (syā. kaṃ.)] āhāro – oḷāriko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, manosañcetanā tatiyā, viññānaṃ catuttham. Ime kho, bhikkhave, cattāro āhārā bhūtānaṃ vā sattānaṃ ṭhitiyā sambhavesīnaṃ vā anuggahāya”.**

Tôi được nghe như vậy,

Một thuở Đức Thế tôn ngự ở Sāvatti (Xá-vệ) tại Jetavana (Kỳ Viên) ngôi già lam ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) dâng cúng.

Này chư tỳ khưu, có bốn dưỡng tố duy trì sự tồn tại của chúng sanh hay là duyên trợ cho loài hữu tình sắp sanh ra. Bốn dưỡng tố là gì? Một là đoàn thực thô hay tế, hai

là xúc thực, ba là tư niệm thực, bốn là thức thực. Đây là bốn dưỡng tố duy trì sự tồn tại của chúng sanh hay là duyên trợ cho loài hữu tình sắp sanh ra.

**“Ime, bhikkhave, cattāro āhārā kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā? Ime cattāro āhārā taṇhānidānā taṇhāsamudayā taṇhājātikā taṇhāpabhavā.**

Này chư tỳ khuru, bốn dưỡng tố này do gì làm nhân, do gì làm duyên, do gì tập khởi, do gì hiện hữu? Bốn dưỡng tố này do ái làm nhân, làm duyên, khiến tập khởi, khiến hiện hữu.

**Taṇhā cāyaṃ, bhikkhave, kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā? Taṇhā vedanānidānā vedanāsamudayā vedanājātikā vedanāpabhavā.**

Này chư tỳ khuru, ái này do gì làm nhân, do gì làm duyên, do gì tập khởi, do gì hiện hữu? Ái này do thọ làm nhân, làm duyên, khiến tập khởi, khiến hiện hữu.

**Vedanā cāyaṃ, bhikkhave, kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā? Vedanā phassanidānā phassasamudayā phassajātikā phassapabhavā.**

Này chư tỳ khuru, thọ này do gì làm nhân, do gì làm duyên, do gì tập khởi, do gì hiện hữu? Thọ này do xúc làm nhân, làm duyên, khiến tập khởi, khiến hiện hữu.

**Phasso cāyaṃ, bhikkhave, kiṃnidāno kiṃsamudayo kiṃjātikā kiṃpabhavo? Phasso saḷāyatānanidāno saḷāyatānasamudayo saḷāyatānajātikā saḷāyatānapabhavo.**

Này chư tỳ khuru, xúc này do gì làm nhân, do gì làm duyên, do gì tập khởi, do gì hiện hữu? Xúc này do lục nhập làm nhân, làm duyên, khiến tập khởi, khiến hiện hữu.

**Saḷāyatānañcidaṃ, bhikkhave, kiṃnidānaṃ kiṃsamudayaṃ kiṃjātikaṃ kiṃpabhavaṃ? Saḷāyatānaṃ nāmarūpanidānaṃ nāmarūpasamudayaṃ nāmarūpajātikaṃ nāmarūpapabhavaṃ.**

Này chư tỳ khuru, lục nhập này do gì làm nhân, do gì làm duyên, do gì tập khởi, do gì hiện hữu? Lục nhập này do danh sắc làm nhân, làm duyên, khiến tập khởi, khiến hiện hữu.

**Nāmarūpañcidaṃ, bhikkhave, kiṃnidānaṃ kiṃsamudayaṃ kiṃjātikaṃ kiṃpabhavaṃ? Nāmarūpaṃ viññāṇanidānaṃ viññāṇasamudayaṃ viññāṇajātikaṃ viññāṇapabhavaṃ.**

Này chư tỳ khuru, danh sắc này do gì làm nhân, do gì làm duyên, do gì tập khởi, do gì hiện hữu? Danh sắc này do thức làm nhân, làm duyên, khiến tập khởi, khiến hiện hữu.

**Viññāṇañcidaṃ, bhikkhave, kiṃnidānaṃ kiṃsamudayaṃ kiṃjātikaṃ kiṃpabhavaṃ? Viññāṇaṃ saṅkhāranidānaṃ saṅkhārasamudayaṃ saṅkhārajātikaṃ saṅkhārapabhavaṃ.**

Này chư tỳ khuru, thức này do gì làm nhân, do gì làm duyên, do gì tập khởi, do gì hiện hữu? Thức này do hành làm nhân, làm duyên, khiến tập khởi, khiến hiện hữu.

**Saṅkhārā cime, bhikkhave, kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā? Saṅkhārā avijjānidānā avijjāsamudayā avijjājātikā avijjāpabhavā.**

Này chư tỳ khuru, hành này do gì làm nhân, do gì làm duyên, do gì tập khởi, do gì hiện hữu? Hành này do vô minh làm nhân, làm duyên, khiến tập khởi, khiến hiện hữu.

**“Iti kho, bhikkhave, avijjāpaccayā saṅkhārā; saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti. Avijjāya tveva asesavirāgaṇirodhā saṅkhāraṇirodho; saṅkhāraṇirodhā viññāṇaṇirodho ...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti”ti. Paṭhamam.**

Này chư Tỳ khuru, như vậy vô minh duyên hành, hành duyên thức...(như trên)...như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

Do vô minh đoạn diệt hoàn toàn, các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt...(như trên)...như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.



## Thích nghĩa

*Sớ giải nêu rõ chữ āhārā là duyên (paccayā) nuôi dưỡng, cấu thành, đem lại (āharanti). Mặc dù có nhiều duyên trong cuộc sống nhưng bốn thực là chất liệu nuôi dưỡng sự tồn tại của chúng sanh (ajjhattikasantatiyā visesapaccayattā).*

*Đoàn thực (kabalīkāra āhāra) là dinh dưỡng vật chất như thực phẩm nuôi thân. Xúc thực (phasso dutiyo) là sự giao thoa của căn, cảnh, thức nuôi dưỡng thọ. Tư niệm thực (manosañcetanā) là chủ tâm tạo tác nuôi dưỡng thức. Thức (viññāṇaṃ) nuôi dưỡng danh sắc.*

*Tứ thực nên được hiểu là bốn thứ năng lượng duy trì sự hiện hữu của tất cả chúng sanh qua cả hai hiện tượng vật chất và tâm thức.*

*Sự liên hệ giữa tứ thực và thập nhị duyên khởi là một đề tài rồi cần được hiểu theo sự hiện hữu của từng phút giây và sự tồn tại của giòng hiện hữu.*

*Tỳ khưu Giác Đăng soạn dịch*

## 1. Āhārasuttaṃ

11. Evaṃ me suttaṃ – ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvattṭhiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme...pe... etadavoca – “cattārome, bhikkhave, āhārā bhūtānaṃ vā sattānaṃ ʈitiyā sambhavesīnaṃ vā anuggahāya. Katame cattāro? Kabaḷīkāro [kabaḷimkāro (sī. pī.), kavaḷīkāro (syā. kaṃ.)] āhāro – olāriko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, manosañcetanā tatiyā, viññāṇaṃ catutthaṃ. Ime kho, bhikkhave, cattāro āhārā bhūtānaṃ vā sattānaṃ ʈitiyā sambhavesīnaṃ vā anuggahāya”.

“Ime, bhikkhave, cattāro āhārā kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā? Ime cattāro āhārā taṇhānidānā taṇhāsamudayā taṇhājātikā taṇhāpabhavā. Taṇhā cāyaṃ, bhikkhave, kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā? Taṇhā vedanānidānā vedanāsamudayā vedanājātikā vedanāpabhavā. Vedanā cāyaṃ, bhikkhave, kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā? Vedanā phassanidānā phassasamudayā phassajātikā phassapabhavā. Phasso cāyaṃ, bhikkhave, kiṃnidāno kiṃsamudayo kiṃjātiko kiṃpabhavo? Phasso saḷāyatanaṇidāno saḷāyatanaṇasamudayo saḷāyatanaṇajātiko saḷāyatanaṇapabhavo. Saḷāyatanaṇaṇcidāṃ,

bhikkhave, kimnidānaṃ kiṃsamudayaṃ kimjātikaṃ kiṃpabhavaṃ? Saḷāyatanam nāmarūpanidānaṃ nāmarūpasamudayaṃ nāmarūpajātikaṃ nāmarūpapabhavaṃ. Nāmarūpañcidaṃ, bhikkhave, kimnidānaṃ kiṃsamudayaṃ kimjātikaṃ kiṃpabhavaṃ? Nāmarūpaṃ viññāṇanidānaṃ viññāṇasamudayaṃ viññāṇajātikaṃ viññāṇapabhavaṃ. Viññāṇañcidaṃ, bhikkhave, kimnidānaṃ kiṃsamudayaṃ kimjātikaṃ kiṃpabhavaṃ? Viññāṇaṃ saṅkhāranidānaṃ saṅkhārasamudayaṃ saṅkhārajātikaṃ saṅkhārapabhavaṃ. Saṅkhārā cime, bhikkhave, kimnidānā kiṃsamudayā kimjātikā kiṃpabhavā? Saṅkhārā avijjānidānā avijjāsamudayā avijjājātikā avijjāpabhavā.

“Iti kho, bhikkhave, avijjāpaccayā saṅkhārā; saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti. Avijjāya tveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho; saṅkhāranirodhā viññāṇanirodho ...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti”ti. Paṭhamam.

## 1. Āhārasuttavaṇṇanā

11. Āhāravaggassa paṭhame āhārāti paccayā. Paccayā hi āharanti attano phalaṃ, tasmā āhārāti vuccanti. **Bhūtānaṃ vā sattānantiādīsu bhūtāti jātā nibbattā.** **Sambhavesinoti** ye sambhavaṃ jātiṃ nibbattiṃ esanti gavesanti. Tattha catūsu yonīsu aṇḍajalābujā sattā yāva aṇḍakosaṃ vatthikosañca na bhindanti, tāva sambhavesino nāma, aṇḍakosaṃ vatthikosañca bhinditvā bahi nikkhantā bhūtā nāma. Saṃsedajā opapātikā ca paṭhamacittakkaṇe sambhavesino nāma, dutiyacittakkaṇato pabhuti bhūtā nāma. Yena vā iriyāpathena jāyanti, yāva tato aññaṃ na pāpuṇanti, tāva sambhavesino nāma, tato paraṃ bhūtā nāma. Atha vā **bhūtāti jātā abhinibbattā**, ye bhūtā abhinibbattāyeva, na puna bhavissantīti saṅkhaṃ gacchanti, tesam khīṇāsavānaṃ etaṃ adhivacanaṃ. Sambhavamesantīti **sambhavesino**. Appahīnabhavasamyojanattā āyatimpi sambhavaṃ esantānaṃ sekkhaputhujjanānametaṃ adhivacanaṃ. Evaṃ sabbathāpi imehi dvīhi padehi sabbasatte pariyādiyati. **Vāsaddo** cettha sampiṇḍanattho, tasmā bhūtānañca sambhavesīnañcāti ayamattho veditabbo.

**Ṭhitiyāti** ṭhitattham. **Anuggahāyāti** anuggahattham. Vacanabhedoyeva cesa, attho pana dvinnampi padānaṃ ekoyeva. Atha vā **ṭhitiyāti** tassa tassa sattassa uppannadhammānaṃ anuppabandhavasena avicchedāya. **Anuggahāyāti** anuppannānaṃ uppādāya. Ubhopi cetāni “bhūtānaṃ vā ṭhitiyā ceva anuggahāya ca, sambhavesīnaṃ vā ṭhitiyā ceva anuggahāya cā”ti evaṃ ubhayattha datṭhabbānīti.

**Kabaḷīkāro āhāro**ti kabaḷaṃ katvā ajjho haritabbako āhāro, odanakummāsādivatthukāya oḷāyetaṃ adhivacanaṃ. **Oḷāriko vā sukhumo vā**ti vatthuoḷārikatāya oḷāriko, sukhumatāya sukhumo. Sabhāvena pana sukhumarūpapariyāpannattā kabaḷīkāro āhāro sukhumova hoti. Sāpi cassa vatthuto oḷārikatā sukhumatā ca upādāyupādāya veditabbā. Kumbhīlānañhi āhāraṃ upādāya morānaṃ āhāro sukhumo. Kumbhīlā kira pāsāṇe gilanti, te ca nesaṃ kucchippattā vilīyanti. Morā sappavicchikādipāṇe khādanti. Morānaṃ pana āhāraṃ upādāya taracchānaṃ āhāro sukhumo. Te kira tivassachadditāni visāṇāni ceva atthīni ca khādanti, tāni ca nesaṃ kheḷena temitamattāneva kandamūlaṃ viya mudukāni honti. Taracchānaṃ āhāraṃ upādāya hatthīnaṃ āhāro sukhumo. Te hi nānārukkhasākhādayo khādanti. Hatthīnaṃ āhārato gavayagokaṇṇamigādīnaṃ āhāro sukhumo. Te kira nissārāni nānārukkhapaṇṇādīni khādanti. Tesampi āhārato gunnaṃ āhāro sukhumo. Te allasukkhatīṇāni khādanti. Tesam āhārato sasānaṃ āhāro sukhumo. Sasānaṃ āhārato sakuṇānaṃ āhāro sukhumo. Sakuṇānaṃ āhārato paccantavāsīnaṃ āhāro sukhumo. Paccantavāsīnaṃ āhārato gāmaḥojakānaṃ āhāro sukhumo. Gāmaḥojakānaṃ āhārato rājarājamahāmattānaṃ āhāro sukhumo. Tesampi āhārato cakkavattino āhāro sukhumo. Cakkavattino āhārato bhummānaṃ devānaṃ āhāro sukhumo. Bhummānaṃ devānaṃ āhārato cātumahārājikānaṃ. Evaṃ yāva paranimmitavasavattīnaṃ āhārā vitthāretabbā. Tesam panāhāro sukhumotveva niṭṭhaṃ patto.

Ettha ca oḷārike vatthusmiṃ oḷā parittā hoti dubbalā, sukhume balavatī. Tathā hi ekapattapūrampi yāguṃ pīto muhutteneva jighacchito hoti yaṃkiñciveva khāditukāmo, sappiṃ pana pasatamattaṃ pivitvā divasaṃ abhottukāmo hoti. Tattha vatthu kammajatejasañkhātaṃ parissayaṃ vinodeti, na pana sakkoti pāletuṃ. Oḷā pana pāleti, na sakkoti parissayaṃ vinodetuṃ. Dve pana ekato hutvā parissayañceva vinodenti pālenti cāti.

**Phasso dutiyoti** cakkhusamphassādi chabbidhopi phasso etesu catūsu āhāresu dutiyo āhāroti veditabbo. Desanānayo eva cesa, tasmā iminā nāma kāraṇena dutiyo tatiyo cāti idamettha na gavesitabbaṃ. **Manosañcetanā**ti cetanāva vuccati. **Viññānanti** cittaṃ. Iti bhagavā imasmim ṭhāne upādiṇṇakaanupādiṇṇakavasena ekarāsīṃ katvā cattāro āhāre dassesi. Kabaḷīkārahāro hi upādiṇṇakopi atthi anupādiṇṇakopi, tathā phassādayo. Tattha sappādīhi gilitānaṃ maṇḍūkādīnaṃ vasena upādiṇṇakakabaḷīkārahāro daṭṭhabbo. Maṇḍūkādayo hi sappādīhi gilitā antokucchigatāpi kiñci kālaṃ jīvantiyeva. Te yāva upādiṇṇakapakke tiṭṭhanti, tāva āhāratthaṃ na sādheṇti. Bhijjitvā pana anupādiṇṇakapakke ṭhitā sādheṇti. Tadāpi upādiṇṇakāhāroti vuccantīti. Idaṃ pana ācariyānaṃ na rucattīti atthakathāyameva paṭikkhipitvā idaṃ vuttaṃ – imesaṃ sattānaṃ khādantānampi akhādantānampi bhuñjantānampi abhuñjantānampi paṭisandhicitteneva saḥajātā kammajā oḷā nāma

atthi, sā yāvapi sattamā divasā pāleti, ayameva upādiṇṇakakabaḷīkārāhāroti veditabbo. Tebhūmakavipākavasena pana upādiṇṇakaphassādayo veditabbā, tebhūmakakusalākusalakiriyavasena anupādiṇṇakā. Lokuttarā pana ruḷhīvasena kathitāti.

Etthāha – “yadi paccayatṭho āhāratṭho, atha kasmā aññesupi sattānaṃ paccayesu vijjamānesu imeyeva cattāro vuttā”ti? Vuccate – ajjhattikasantatiyā visesapaccayattā. Visesapaccayo hi kabaḷīkārāhārabhakkhānaṃ sattānaṃ rūpakāyassa kabaḷīkāro āhāro, nāmakāye vedanāya phasso, viññāṇassa manosañcetanā, nāmarūpassa viññāṇaṃ. Yathāha – “seyyathāpi, bhikkhave, ayaṃ kāyo āhāratṭhitiko āhāraṃ paṭicca tiṭṭhati, anāhāro no tiṭṭhati (saṃ. ni. 5.183), tathā phassapaccayā vedanā, saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ, viññāṇapaccayā nāmarūpa”nti (saṃ. ni. 2.1; vibha. 225).

Ko panettha āhāro kiṃ āharatīti? Kabaḷīkārāhāro ojaṭṭhamakarūpāni āharati phassāhāro tisso vedanā, manosañcetanāhāro tayo bhava, viññāṇāhāro paṭisandhināmarūpanti.

Kathaṃ? Kabaḷīkārāhāro tāva mukhe ṭhapitamatteyeva aṭṭha rūpāni samuṭṭhāpeti, dantavicuṇṇitaṃ pana ajjhohariyamānaṃ ekekaṃ sitthaṃ aṭṭhaṭṭharūpāni samuṭṭhāpetiyeva. Evaṃ kabaḷīkārāhāro ojaṭṭhamakarūpāni āharati. Phassāhāro pana sukhavedanīyo phasso uppajjamānoyeva sukhaṃ vedanaṃ āharati, dukkhavedanīyo dukkhaṃ, adukkhamasukhavedanīyo adukkhamasukhanti evaṃ sabbathāpi phassāhāro tisso vedanā āharati.

Manosañcetanāhāro kāmabhavūpagaṃ kammaṃ kāmabhavaṃ āharati, rūpārūpabhavūpagāni taṃ taṃ bhavaṃ. Evaṃ sabbathāpi manosañcetanāhāro tayo bhava āharati. Viññāṇāhāro pana ye ca paṭisandhikkhaṇe taṃsāmpayuttakā tayo khandhā, yāni ca tisantativasena tiṃsa rūpāni uppajjanti, sahaṃjātādipaccayanayena tāni āharatīti vuccati. Evaṃ viññāṇāhāro paṭisandhināmarūpaṃ āharatīti. Ettha ca “manosañcetanā tayo bhava āharatī”ti sāsavakusalākusalacetanāva vuttā. “Viññāṇaṃ paṭisandhināmarūpaṃ āharatī”ti paṭisandhiviññāṇameva vuttaṃ. Avisesena pana taṃsāmpayuttatāmsamuṭṭhānadhammānaṃ āharaṇatopete “āhārā”ti veditabbā.

Etesu catūsu āhāresu kabaḷīkārāhāro upatthambhento āhārakiccaṃ sādheti, phasso phusantoyeva manosañcetanā āyūhamānāva, viññāṇaṃ vijānantameva. Kathaṃ? Kabaḷīkārāhāro hi upatthambhentoyeva kāyatṭhapanena sattānaṃ ṭhitiyā hoti. Kammajanitopi hi ayaṃ kāyo kabaḷīkārāhārena upatthaddho dasapi vassāni vassasatampi yāva āyuparimāṇā tiṭṭhati. Yathā kiṃ? Yathā mātuyā janitopi dārako

dhātiyā thaññādīni pāyevā posiyamāno ciraṃ tiṭṭhati, yathā ca upatthambhena upatthambhitam geham. Vuttampi cetam –

“Yathā, mahārāja, gehe papatante aññena dārunā upatthambhitam santam eva tam geham na patati. Evameva kho, mahārāja, ayam kāyo āhāraṭṭhitiko āhāram paṭicca tiṭṭhatī”ti.

Evaṃ kabaḷikāro āhāro upatthambhento āhārakiccaṃ sādheti.

Evaṃ sādhentopi ca kabaḷikāro āhāro dvinnaṃ rūpasantaṭīnaṃ paccayo hoti āhārasamuṭṭhānassa ca upādiṇṇakassa ca. Kammajānaṃ anupālako hutvā paccayo hoti, āhārasamuṭṭhānānaṃ janako hutvāti.

Phasso pana sukhādivatthubhūtam ārammaṇam phusantoyeva sukhādivedanāpavattanena sattānaṃ ṭhitiyā hoti. Manosañcetanā kusalākusalakammavasena āyūhamānāyeva bhavamūlanipphādanato sattānaṃ ṭhitiyā hoti. Viññānaṃ vijānantameva nāmarūpappavattanena sattānaṃ ṭhitiyā hoti. Evaṃ upatthambhanādivasena āhārakiccaṃ sādhayamānesu panetesu cattāri bhayāni datṭhabbāni. Seyyathidaṃ – kabaḷikārāhāre nikantiyeva bhayaṃ, phasse upagamanameva, manosañcetanāya āyūhanameva, viññāne abhinipātoyeva bhayanti. Kiṃ kāraṇā? Kabaḷikārāhāre hi nikantiṃ katvā sītādīnaṃ purakkhatā sattā āhāratthāya muddāgaṇanādikammāni karontā anappakaṃ dukkhaṃ nigacchanti. Ekacce ca imasmim sāsane pabbajitvāpi vejjakammādikāya anesanāya āhāram pariyesantā diṭṭheva dhamme gārayhā honti, samparāyepi, “tassa saṅghāṭipi ādittā sampajjalitā”tiādīnā lakkhaṇasaṃyutte (saṃ. ni. 2.218) vuttanayena samaṇapetā honti. Iminā tāva kāraṇena kabaḷikāre āhāre nikanti eva bhayanti veditabbā.

Phassaṃ upagacchantāpi phassassādino paresaṃ rakkhitagopitesu dārādīsu bhaṇḍesu aparajjhanti, te saha bhaṇḍena bhaṇḍasāmikā gahetvā khaṇḍākhaṇḍikaṃ vā chinditvā saṅkārakūṭe chaḍḍenti, rañño vā niyyādentī. Tato te rājā vividhā kammakāraṇā kārāpeti. Kāyassa ca bhedaṃ duggati tesam pāṭikaṅkhā hoti. Iti phassassādamūlakaṃ diṭṭhadhammikampi samparāyikampi bhayaṃ sabbamāgatameva hoti. Iminā kāraṇena phassāhāre upagamanameva bhayanti veditabbam.

Kusalākusalakammāyūhane pana tammūlakaṃ tīsu bhavesu bhayaṃ sabbam āgatameva hoti. Iminā kāraṇena manosañcetanāhāre āyūhanameva bhayanti veditabbam.



Paṭisandhiviññāṇaṅca yasmim̐ yasmim̐ t̐hāne abhinipatati, tasmim̐ tasmim̐ t̐hāne paṭisandhināmarūpaṃ gahetvāva nibbattati. Tasmiṅca nibbatte sabbabhayāni nibbattāniyeva honti tammūlakattāti iminā kāraṇena viññāṇāhāre abhinipātoyeva bhayanti veditabboti.

**Kiṃnidānā**tiādīsu nidānādīni sabbāneva kāraṇavevacanāni. Kāraṇāhi yasmā phalaṃ nideti, “handā naṃ gaṇhathā”ti appeti viya, tasmā **nidānanti** vuccati. Yasmā taṃ tato samudeti jāyati pabhavati, tasmā **samudayo jāti pabhavoti** vuccati. Ayam panettha padattho – kiṃnidānaṃ etesanti **kiṃnidānā**. Ko samudayo etesanti **kiṃsamudayā**. Kā jāti etesanti **kiṃjātikā**. Ko pabhavo etesanti **kiṃpabhavā**. Yasmā pana tesam̐ taṇhā yathāvuttena atthena nidānaṅceva samudayo ca jāti ca pabhavo ca, tasmā “taṇhānidānā”tiādīmāha. Evaṃ sabbapadesu attho veditabbo.

Ettha ca ime cattāro āhārā taṇhānidānāti paṭisandhim̐ ādim̐ katvā attabhāvasaṅkhātānaṃ āhārānaṃ purimataṇhānaṃ vasena nidānaṃ veditabbaṃ. Kathaṃ? Paṭisandhikkhaṇe tāva paripuṇṇāyatanānaṃ sattānaṃ sattasantativasena, sesānaṃ tato ūnānasantativasena uppannarūpabbhantaraṃ jātā oajā atthi, ayam̐ taṇhānidāno upādiṇṇakakabalīkārāhāro. Paṭisandhicittasampayuttā pana phassacetanā sayāṅca cittaṃ viññānanti ime taṇhānidānā upādiṇṇakaphassamanosaṅcetanā-viññāṇāhārāti evaṃ tāva purimataṇhānidānā paṭisandhikā āhārā. Yathā ca paṭisandhikā, evaṃ tato param̐ paṭhamabhavaṅgacittakkaṇādinibbattāpi veditabbā.

Yasmā pana bhagavā na kevalaṃ āhārānameva nidānaṃ jānāti, āhāranidānabhūtāya taṇhāyapi, taṇhāya nidānānaṃ vedanādīnampi nidānaṃ jānātiyeva, tasmā **taṇhā cāyaṃ, bhikkhave**, kiṃnidānātiādīnā nayena vaṭṭaṃ dassetvā vivaṭṭaṃ dassesi. Imasmiṅca pana t̐hāne bhagavā atītābhimukhaṃ desanaṃ katvā atītena vaṭṭaṃ dasseti. Kathaṃ? Āhāravasena hi ayam̐ attabhāvo gahito.

Taṇhāti imassattabhāvassa janakaṃ kammaṃ, vedanāphassasalāyatananāmarūpaviññāṇāni yasmim̐ attabhāve t̐hatvā kammaṃ āyūhitaṃ, taṃ dassetuṃ vuttāni, avijjāsaṅkhārā tassattabhāvassa janakaṃ kammaṃ. Iti dvīsu t̐hānesu attabhāvo, dvīsu tassa janakaṃ kammanti saṅkhepena kammaṅceva kammavipākāṅcāti, dvepi dhamme dassentena atītābhimukhaṃ desanaṃ katvā atītena vaṭṭaṃ dassitaṃ.

Tatrāyaṃ desanā anāgatassa adassitattā aparipuṇṇāti na daṭṭhabbā. Nayato pana paripuṇṇātveva daṭṭhabbā. Yathā hi cakkhumā puriso udakapit̐the nipannaṃ suṃsumāraṃ disvā tassa parabhāgaṃ olokento gīvaṃ passeyya, orato pit̐thim̐, pariyoṣāne naṅguṭṭhamūlaṃ, heṭṭhā kucchim̐ olokento pana udakagataṃ

agganaṅguṭṭhañceva cattāro ca hatthapāde na passeyya, so na ettāvata “aparipuṇṇo suṃsumāro”ti gaṇhāti, nayato pana paripuṇṇotveva gaṇhāti, evaṃsampadamidaṃ veditabbaṃ.

Udakaṭṭhe nipaṇṇasūsumāro viya hi tebhūmakavaṭṭaṃ. Tīre t̥hito cakkhumā puriso viya yogāvacaro. Tena purisena udakaṭṭhe suṃsumārassa diṭṭhakālo viya yoginā āhārasena imassattabhāvassa diṭṭhakālo. Parato gīvāya diṭṭhakālo viya imassattabhāvassa janikāya taṇhāya diṭṭhakālo. Piṭṭhiyā diṭṭhakālo viya yasmim attabhāve taṇhāsaṅkhātāṃ kammaṃ kataṃ, vedanādivasena tassa diṭṭhakālo. Naṅguṭṭhamūlassa diṭṭhakālo viya tassattabhāvassa janakānaṃ avijjāsaṅkhārānaṃ diṭṭhakālo. Heṭṭhā kucchiṃ oloketassa pana agganaṅguṭṭhañceva cattāro ca hatthapāde adisvāpi “aparipuṇṇo suṃsumāro”ti agahetvā nayato paripuṇṇotveva gahaṇaṃ viya yattha yattha paccayavaṭṭaṃ pāḷiyaṃ na āgataṃ, tattha tattha “desanā aparipuṇṇā”ti agahetvā nayato paripuṇṇātveva gahaṇaṃ veditabbaṃ. Tattha ca āhārataṇhānaṃ antare eko sandhi, taṇhāvedanānaṃ antare eko, viññāṇasaṅkhārānaṃ antare ekoti evaṃ tisandhicaṭṭhānaṃ vaṭṭaṃ dassitanti. Paṭṭamaṃ.